

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND

Ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

MỘT SỐ HẠNG MỤC VÀ VẬT KIẾN TRÚC KHÁC

STT	Loại nhà cửa, công trình, vật kiến trúc	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	PHẦN MÒ MẢ (Đơn giá áp dụng đối với phần xây dựng mới; phần Đào, bốc, di dời và các chi phí hợp lý khác tính theo quy định của ngành Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan)		
1	Móng, trụ, tường bao quanh xây gạch chỉ, sơn nước. Đầu trụ đặt hoa sen tráng men. Trụ đỡ, sàn mái che: BTCT trát vữa xi măng sơn vôi hoặc trát đá mài. Mái nghiêng am thờ: BTCT dán ngói mũi hài. Lắp đặt bia đá Granite, Ốp gạch men bệ mộ, Nền lát gạch men Ceramic.	đồng/mộ	27.730.000
2	Móng, trụ, tường bao quanh xây gạch chỉ, sơn nước. Đầu trụ đặt hoa sen tráng men. Mái nghiêng am thờ: BTCT dán ngói mũi hài. Lắp đặt bia đá Granite hay cẩm thạch. Ốp gạch men bệ mộ. Nền lát gạch men Ceramic.	đồng/mộ	21.110.000
3	Móng, trụ, tường bao quanh xây gạch chỉ, sơn nước. Đầu trụ đặt hoa sen tráng men. Mái nghiêng am thờ: BTCT dán ngói mũi hài. Lắp đặt bia đá granite hay cẩm thạch, Trát đá mài bệ mộ. Nền lát gạch men ceramic.	đồng/mộ	17.810.000
4	Móng, trụ, tường bao quanh trong và ngoài, am thờ xây gạch chỉ, quét vôi. Lắp đặt bia xây gạch trát vữa xi măng hoặc đúc bê tông.	đồng/mộ	13.020.000
5	Móng tường bao quanh xây gạch quét vôi. Lắp đặt bia xây gạch trát vữa xi măng hoặc đúc bê tông.	đồng/mộ	7.620.000
6	Móng đất, không xây tường bao quanh nhưng có mái che khung gỗ mái lợp tôn	đồng/mộ	2.950.000
7	Mộ đất, không xây tường bao quanh (không có mái che)	đồng/mộ	2.450.000